TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 01 - 2022
Về việc "*Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*"

N DANH
N CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN PT, TỈNH AG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn C

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Võ Văn T.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Thiện N - Thư ký Toà án N dân huyện PT.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án N dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 420/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp hôn N và gia đình *"Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: chị Trương Yến D, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: ấp Tân Hòa, xã Thạnh Phú, huyện Cái N, tỉnh CM.

2. *Bị đơn*: anh Đỗ Quang T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: bến đò số 06, ấp Long Thạnh 2, xã Long Hòa, huyện PT, tỉnh AG.

(Chị D, anh T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, ý kiến trình bày của chị Trương Yến D như sau: Chị và anh Đỗ Quang T sau thời gian tìm hiểu và sống chung như vợ chồng năm 2019, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đến năm 2021 chị và

anh T ly thân cho đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Quang T.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Trương Lan Anh, sinh ngày 27/10/2020, hiện con chung anh T đang nuôi dưỡng, chị D đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, ý kiến trình bày của anh Đỗ Quang T như sau: Anh và chị Trương Yến D sau thời gian tìm hiểu và sống chung như vợ chồng vào năm 2019, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị D về nguyên N mâu thuẫn và quá trình chung sống. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trương Lan Anh, sinh ngày 27/10/2020, hiện do anh đang nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: anh T và chị D đã tham gia phiên công khai chứng cứ và hòa giải, có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình và yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn anh T cư trú tại ấp Long Thạnh 2, xã Long Hòa, huyện PT, tỉnh AG. Nên chị D khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện PT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị D yêu cầu ly hôn và nuôi con khi ly hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn N của chị Trương Yến D và anh Đỗ Quang T sau thời gian tìm hiểu và sống chung như vợ chồng năm 2019, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đến năm 2021 chị D và anh T ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn với nhau, mà mọi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận, vì hôn N của anh chị là hôn N không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn N và Gia đình, do đó để cho anh, chị có cuộc sống riêng, nên hội đồng xét xử không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: anh, chị thống nhất có một đứa tên Trương Lan Anh, sinh ngày 27/10/2020 hiện đang sống với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Anh, không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con, chị D đồng ý. HĐXX xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Anh, cháu cũng được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển lành mạnh, chị D cũng đồng ý, nên HĐXX tiếp tục giao cháu Anh cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, chị D không phải cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn N thì anh T và chị D phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: chị Trương Yến D là người xin ly hôn nên phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53 và Điều 81 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

\ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn N: Không công nhận chị Trương Yến D và anh Đỗ Quang T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: tiếp tục giao cháu Trương Lan Anh, sinh ngày 27/10/2020 cho anh T nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, chị D không phải cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: không đặt ra để giải quyết

- Về án phí sơ thẩm: chị Trương Yến D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005745 ngày 11/11/2022 của C cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh AG, anh Đỗ Quang T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện PT;
- C cục THADS huyện PT;
- UBND xã Bình Thạnh Đông, huyện PT, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn C